

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2025/HC-ST

Ngày: 18 - 4 - 2025

Về việc “Khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực xử phạt
vi phạm hành chính”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Trang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Văn Thắm

Bà Dương Thị Hồng Thùy

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Triệu Anh Thư - Thư ký Tòa án nhân dân
tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà
Nguyễn Thị Thu Thương - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử
sơ thẩm công khai vụ án đã thụ lý số 53/2024/TLST-HC ngày 26 tháng 11 năm
2024 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực xử phạt vi phạm
hành chính” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 859/2025/QĐXXST-
HC ngày 04 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1127/2025/QĐST-
HC ngày 27 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện:

Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1987; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện:

Ông Lê Thanh P, sinh năm 1979; (có mặt)

Địa chỉ thường trú: Q, P, T, tỉnh Bình Định.

Địa chỉ liên hệ: Số H, Đường D, phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Người bị kiện:* Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre. (có văn bản yêu cầu giải quyết vắng mặt)

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Công ty TNHH V1.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hoàng H - Giám đốc.

Địa chỉ trụ sở: Số C, Khu phố A, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Trương Việt K, sinh năm 1987; (có mặt)

Địa chỉ: Số B, Khu phố C, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

4. *Người làm chứng do người khởi kiện tự mời:*

Bà Nguyễn Đăng P1, sinh năm 1990; (có mặt)

Địa chỉ: Số A, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện ông Nguyễn Văn Q là ông Lê Thanh P trình bày:

Vào lúc 09 giờ 50 phút ngày 04/8/2024, ông Q điều khiển xe khách biển số 71B.00598 từ hướng ngã tư huyện C về thành phố B, đến đoạn đường khu phố C, ông nghe có tiếng xe máy ngã ở phía sau xe. Qua kính chiếu hậu, ông thấy có 01 người phụ nữ chạy xe máy té sau xe khách do ông điều khiển. Ông Q có dừng xe quan sát nhưng do nghĩ không có va chạm và được hành khách đi trên xe nói là người phụ nữ đó tự ngã nên ông tiếp tục cho xe di chuyển về bến cho kịp giờ trả khách.

Khi về đến trạm, ông Q được thông báo từ tổng đài là có 02 Cảnh sát giao thông tìm và cho rằng ông gây tai nạn với xe máy biển số 67C1.84133 do chị Lý Thị Mỹ T điều khiển. Ngay lúc đó, ông cho xe đến cơ quan Công an và nhờ người thân vào bệnh viện xem tình hình thì được biết chị T bị gãy tay, bác sĩ đã xử lý vết thương tạm ổn. Qua trao đổi được biết chị T hoàn cảnh khó khăn và vì tình người, lương tâm của tài xế nên ông đã đóng viện phí cho chị T, đồng thời chị T thừa nhận tự té, sau đó có viết biên bản tự thỏa thuận về sự việc chị tự té. Hôm sau, ông Q có đưa chị T đến cơ quan Cảnh sát giao thông huyện C để làm việc. Tại đây, chị T thừa nhận chị tự té, không liên quan đến ông Q và tự nguyện viết biên nhận về việc ông Q có hỗ trợ 5.000.000 đồng và trước đó ông Q có đóng viện phí 1.000.000 đồng, tổng cộng là 6.000.000 đồng.

Tuy nhiên, sau đó Cảnh sát giao thông huyện C có yêu cầu ông Q ký biên bản vi phạm với lỗi “vượt xe không đúng quy định” và sẽ bỏ cho ông 0 lỗi “gây tai nạn giao thông không giữ nguyên hiện trường, bỏ trốn không trình báo với cơ quan có thẩm quyền, không tham gia cấp cứu người bị nạn”. Lúc này, Cảnh sát giao thông huyện C có cho ông Q xem 01 đoạn ghi hình, khẳng định ông Q điều khiển xe có gây tai nạn nhưng ông Q cho rằng không rõ việc xe ông điều khiển có va chạm với xe chị T không nên không đồng ý nhận lỗi và không đồng ý ký biên bản. Ông Q có yêu cầu được xem biên bản nhưng Cảnh sát giao thông không cho xem. Sự việc được đưa lên Ủy ban nhân dân huyện C và ông Q có báo cáo giải trình sự việc.

Đến ngày 06/9/2024, ông Q được mời lên nhận Quyết định xử phạt vi phạm hành chính với 02 lỗi “vượt xe không đúng quy định gây tai nạn giao thông” và “gây tai nạn giao thông không giữ nguyên hiện trường, bỏ trốn không trình báo với cơ quan có thẩm quyền, không tham gia cấp cứu người bị nạn”. Ông Q có yêu cầu cho xem biên bản vi phạm thì không được xem nên không đồng ý nhận quyết định. Sau khi chờ không thấy được gửi quyết định về nhà nên đến ngày 18/9/2024 ông Q có lên ký nhận quyết định xử phạt.

Nay ông Q khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 13923/QĐ-XPVPHC ngày 04/9/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, đồng thời yêu cầu bồi thường thiệt hại 400.000 đồng/ngày tính từ ngày 04/9/2024 đến khi bản án có hiệu lực pháp luật vì đó là tiền lương cho mỗi ngày làm việc của ông Q do ông Q bị tước quyền sử dụng giấy phép lái xe nên không thể làm việc kiếm tiền.

Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C có văn bản số 1016/UBND-NC ngày 10/4/2025 đề nghị xét xử vắng mặt. Theo văn bản số 3865/UBND-NC ngày 19/12/2024 của người bị kiện nội dung ý kiến như sau:

Vào lúc 09 giờ 48 phút ngày 04/8/2024, tại đường T, khu phố C, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bến Tre xảy ra vụ tai nạn giao thông giữa xe ô tô khách biển số 71B-005.98 do ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1987, đăng ký thường trú ấp T, xã T, huyện M điều khiển hướng từ Ủy ban nhân dân huyện C về hướng Ủy ban nhân dân xã T, khi đến khu vực trên thì xảy ra va chạm với xe mô tô biển số 67C1-841.33 do chị Lý Thị Mỹ T, sinh năm 1991, đăng ký thường trú: Tổ F, ấp H, xã H, huyện P, tỉnh An Giang điều khiển lưu thông cùng chiều phía trước. Hậu quả: chị Lý Thị Mỹ T bị thương, phương tiện bị hư hỏng, thiệt hại khoảng 500.000 đồng.

Khi Tổ công tác Cảnh sát giao thông huyện C đến hiện trường thì người dân đã đưa Lý Thị Mỹ T đi cấp cứu, phương tiện có dấu vết xáo trộn một phần do quá trình cấp cứu nạn nhân và có nhiều phương tiện tham gia giao thông; riêng xe

khách gây tai nạn đã rời khỏi hiện trường. Qua thu thập thông tin có liên quan của người chứng kiến, đồng thời trích xuất từ camera của hộ dân trong khu vực hiện trường, xác định phương tiện có liên quan vụ tai nạn giao thông là xe ô tô khách biển số 71B-005.98 thuộc sở hữu của nhà xe H1. Tổ công tác đã đến nhà xe xác minh, xác định vào thời gian trên, xe ô tô khách biển số 71B-005.98 do tài xế Nguyễn Văn Q điều khiển có xảy ra va chạm với xe mô tô biển số 67C1-841.33 do chị Lý Thị Mỹ T điều khiển. Tổ công tác đã mời ông Q về làm việc, khám nghiệm các dấu vết có liên quan trên phương tiện.

Công an huyện đã thực hiện hoàn tất các hồ sơ, thủ tục ban đầu, tiến hành mời các bên có liên quan đến vụ việc, thực hiện thỏa thuận dân sự giữa các bên theo quy định, theo đó đề xuất hướng xử phạt vi phạm hành chính, cụ thể:

- Đối với chị Lý Thị Mỹ T có hành vi điều khiển xe mô tô biển số 67C1-841.33 không có giấy phép lái xe; không có giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới. Công an huyện tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính và ra quyết định xử phạt các hành vi vi phạm đối với chị Lý Thị Mỹ T với tổng mức phạt tiền 1.650.000 đồng. Đồng thời trả lại phương tiện sau khi thực hiện xong quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

- Đối với ông Nguyễn Văn Q có hành vi điều khiển xe ô tô khách biển số 71B-005.98 vượt xe không đúng quy định gây tai nạn giao thông; gây tai nạn giao thông không giữ nguyên hiện trường, không đến trình báo với cơ quan có thẩm quyền, không cấp cứu người bị nạn. Công an huyện tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính đối với ông Nguyễn Văn Q về các hành vi vi phạm với tổng hợp mức phạt tiền là 28.000.000 đồng, tước quyền sử dụng giấy phép lái xe 07 tháng. Đồng thời trả lại phương tiện sau khi thực hiện xong quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Công an huyện đã nhiều lần mời ông Q đến làm việc, giải thích về hành vi, vận động, đôn đốc ông Q chấp hành quyết định xử phạt nhưng ông Q không nhận thức được hành vi vi phạm, không ký nhận biên bản vi phạm hành chính, không chấp hành quyết định xử phạt nên Công an huyện đã tạm giữ tang vật, phương tiện có liên quan để đảm bảo thi hành quyết định đến nay.

Người bị kiện nhận thấy việc ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Q là đúng quy định. Đề nghị Tòa án xem xét các tài liệu, chứng cứ để giải quyết theo quy định.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH V1 là ông Trương Việt K trình bày:

Yêu cầu Tòa án giải quyết cho Công ty TNHH V1 được nhận lại xe về sửa

chữa, yêu cầu bồi thường tiền sửa xe và tiền mất thu nhập do bị giữ xe mỗi ngày là 500.000 đồng tính từ ngày 04/8/2024 đến khi vụ kiện kết thúc.

Tại phiên tòa, người làm chứng cho người khởi kiện là chị Nguyễn Đăng P1 trình bày:

Chị là vợ của ông Q, đã được gia đình hai bên thừa nhận mặc dù chưa đăng ký kết hôn. Vào ngày xảy ra sự việc, sau khi nghe điện thoại của ông Q thì chị là người đến bệnh viện để xem tình hình chị T như thế nào. Chị T nói không có va chạm mà do tự té ngã và nói chị đừng bỏ chị T. Thấy hoàn cảnh của chị T nên chị và ông Q đã hỗ trợ tiền viện phí. Chị T cũng đã xác định không có va chạm mà do chị tự té, có ký biên bản tự thỏa thuận nhưng không biết vì sao chị T khai với Công an là có va chạm và khi chị điện thoại cho chị T (có cung cấp đoạn ghi âm cho Tòa án) thì chị T cũng nói là có va chạm. Chị thấy lời khai của chị T tại các thời điểm khác nhau có mâu thuẫn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Những người tham gia tố tụng tại phiên tòa đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, khoản 2, Điều 193 Luật Tố tụng hành chính, bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Q.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử sơ thẩm vụ án hành chính xét thấy:

[1] Về tố tụng:

Người bị kiện có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 158 Luật Tố tụng hành chính, Tòa án xét xử vắng mặt đối với người bị kiện.

Về đối tượng khởi kiện: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 13923/QĐ-XPVPHC ngày 04/3/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C đối với ông Nguyễn Văn Q là quyết định hành chính thuộc đối tượng khởi kiện vụ án hành chính theo quy định tại Điều 30 Luật Tố tụng hành chính.

Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Người khởi kiện ông Nguyễn Văn Q yêu cầu hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 13923/QĐ-XPVPHC ngày 04/3/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C nên thuộc thẩm quyền giải quyết

của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre theo quy định tại các điều 30, 32 Luật Tố tụng hành chính.

[2] Về thời hiệu khởi kiện:

Ngày 04/3/2024, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 13923/QĐ-XPVPHC đối với ông Nguyễn Văn Q về các hành vi:

- Điều khiển xe ô tô khách biển số 71B-005.98 vượt xe không đúng quy định gây tai nạn giao thông.

- Điều khiển xe ô tô khách biển số 71B-005.98 gây tai nạn giao thông không giữ nguyên hiện trường, bỏ trốn không đến trình báo với cơ quan có thẩm quyền, không tham gia cấp cứu người bị nạn.

Tổng số tiền phạt của hai hành vi là 28.000.000 đồng. Hình thức phạt bổ sung: Tước quyền sử dụng giấy phép lái xe hạng D số 790169030607 mang tên Nguyễn Văn Q cấp ngày 24/11/2020 có giá trị đến 24/11/2025 là 07 tháng.

Không đồng ý quyết định trên, ngày 20/9/2024, anh Q khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy quyết định trên. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính quy định thời hiệu khởi kiện là 01 năm kể từ ngày nhận được hoặc biết được quyết định hành chính, hành vi hành chính. Do đó, ông Q khởi kiện vẫn còn thời hiệu.

[3] Về tính hợp pháp và có căn cứ của quyết định hành chính:

[3.1] *Về thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính:*

Theo quy định tại Điều 58 Luật Xử lý vi phạm hành chính:

“ 1. Khi phát hiện vi phạm hành chính thuộc lĩnh vực quản lý của mình, người có thẩm quyền đang thi hành công vụ phải kịp thời lập biên bản, trừ trường hợp xử phạt không lập biên bản theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật này.

2...

Trường hợp người vi phạm, đại diện tổ chức vi phạm không có mặt tại nơi vi phạm hoặc cố tình trốn tránh hoặc vì lý do khách quan mà không ký vào biên bản thì biên bản phải có chữ ký của đại diện chính quyền cơ sở nơi xảy ra vi phạm hoặc của hai người chứng kiến”.

Ngoài ra, theo quy định tại Điều 79 Nghị định 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt thì “Công an viên có thẩm quyền lập biên bản đối với các hành vi vi phạm xảy ra trong phạm vi quản lý của địa phương”.

Tại thời điểm xảy ra sự việc ngày 04/8/2024, anh Q không có mặt tại hiện trường, đại úy Nguyễn Minh T1 thuộc Đội Cảnh sát giao thông Công an huyện C

tiến hành lập biên bản sự việc (BL101) có sự chứng kiến của người làm chứng là anh Huỳnh Quốc V. Đến ngày 08/8/2024, Đại úy Nguyễn Minh T1 tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính đối với ông Nguyễn Văn Q về các hành vi: Vượt xe không đúng quy định gây tai nạn giao thông; gây tai nạn giao thông không giữ nguyên hiện trường, bỏ trốn không đến trình báo với cơ quan có thẩm quyền, không tham gia cấp cứu người bị nạn là đúng theo quy định tại Điều 58 Luật Xử lý vi phạm hành chính về lập biên bản vi phạm hành chính và đúng thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính tại Điều 79 Nghị định 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt.

Bên cạnh đó, tại khoản 29 Điều 1 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2020 sửa đổi, bổ sung Điều 58 có quy định “Biên bản vi phạm hành chính phải được lập tại nơi xảy ra hành vi vi phạm hành chính. Trường hợp biên bản vi phạm hành chính được lập tại trụ sở cơ quan của người có thẩm quyền lập biên bản hoặc địa điểm khác thì phải ghi rõ lý do vào biên bản.”

Xét thấy, mặc dù biên bản vi phạm hành chính được lập tại trụ sở cơ quan Công an nhưng người lập biên bản không ghi rõ lý do. Tuy nhiên, theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 12 Nghị định 118/2021/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính cũng quy định:

“Trường hợp người vi phạm không có mặt tại nơi vi phạm hoặc cố tình trốn tránh hoặc vì lý do khách quan mà không ký, điểm chỉ vào biên bản hoặc có mặt nhưng từ chối ký, điểm chỉ vào biên bản thì vẫn lập biên bản và biên bản phải có chữ ký của đại diện chính quyền cấp xã nơi xảy ra vi phạm hoặc ít nhất 01 người chứng kiến xác nhận việc cá nhân, tổ chức vi phạm không ký vào biên bản.”

Ngày 04/8/2024, sau khi ra sự việc va chạm, ông Q không có mặt tại hiện trường, người có thẩm quyền tiến hành lập biên bản sự việc. Đến ngày 08/8/2024 thì người có thẩm quyền lập Biên bản vi phạm hành chính. Mặc dù biên bản vi phạm hành chính không có ông Q tham dự và ký tên nhưng có người chứng kiến sự việc ngày 04/8/2024 là anh Huỳnh Quốc V ký tên. Do đó, việc lập biên bản vi phạm hành chính không có mặt ông Q tại trụ sở Công an huyện C nhưng có mặt của 01 người chứng kiến là không trái quy định pháp luật.

[3.2] Về thời hạn ban hành quyết định hành chính:

Tại thời điểm xảy ra sự việc ngày 04/8/2024, ông Q đã rời khỏi hiện trường. Công an huyện C tiến hành lập biên bản sự việc và Biên bản vi phạm hành chính ngày 08/8/2024 có 01 người chứng kiến ký tên. Theo đó, tại mục 10 của Biên bản vi phạm hành chính có ghi về quyền và thời hạn giải trình có thể hiện nội dung về

việc ông Q có quyền gửi văn bản giải trình đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C trong thời hạn 05 ngày, như vậy thời hạn ông Q phải gửi văn bản giải trình là 05 ngày kể từ ngày 08/8/2024 (tức là hạn chót là ngày 13/8/2024). Tuy nhiên, đến ngày 15/8/2024, ông Q mới có báo cáo giải trình gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C (BL75). Ngoài ra, do vụ việc cần tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ (lấy lời khai, trích xuất camera, khám nghiệm phương tiện...). Do đó, đến ngày 04/9/2024, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 13923/QĐ-XPVPHC ngày 04/9/2023 đối với ông Nguyễn Văn Q là trong thời hạn theo quy định tại Điều 66 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 về thời hạn ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính và Điều 61 Luật Xử lý vi phạm hành chính quy định về giải trình.

[3.3] *Về thẩm quyền ban hành quyết định hành chính:*

Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 13923/QĐ-XPVPHC ngày 04/9/2023 đối với ông Nguyễn Văn Q là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 38 Luật Xử lý vi phạm hành chính và khoản 2 Điều 75 Nghị định Nghị định 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ.

[3.4] *Xét nội dung vụ việc:*

Vào khoảng 09 giờ 50 phút ngày 04/8/2024, tại đường T, khu phố C, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bến Tre xảy ra vụ tai nạn giao thông do xe ô tô khách biển số 71B-005.98 do ông Nguyễn Văn Q điều khiển hướng từ Ủy ban nhân dân huyện C về hướng Ủy ban nhân dân xã T, khi đến khu vực trên thì xảy ra va chạm với xe mô tô biển số 67C1-841.33 do chị Lý Thị Mỹ T, sinh năm 1991, đăng ký thường trú: Tổ F, ấp H, xã H, huyện P, tỉnh An Giang điều khiển lưu thông cùng chiều phía trước. Hậu quả là chị Lý Thị Mỹ T bị thương, phương tiện bị hư hỏng, thiệt hại khoảng 500.000 đồng.

Ngày 04/9/2024, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 13923/QĐ-XPVPHC ngày 04/9/2023 đối với ông Nguyễn Văn Q.

Quá trình làm việc, ông Q cho rằng không có sự việc va chạm mà do chị T tự té ngã và điều này đã được chị T thừa nhận có sự chứng kiến của Công an nên ông Q không đồng ý với Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 13923/QĐ-XPVPHC ngày 04/9/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C. Ông Q khởi kiện yêu cầu hủy quyết định nêu trên, đồng thời yêu cầu bồi thường thiệt hại 400.000 đồng/ngày tính từ ngày 04/9/2024 đến khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ việc, ông Q cho rằng chị Lý Thị Mỹ T có thừa nhận tự té ngã. Trong biên bản tự thỏa thuận ngày 04/8/2024 (BL07, 77) thể hiện nội dung: “Tôi Nguyễn Văn Q điều khiển xe 71B.0058 ... có nghe xe máy bị té, nhưng tôi dừng lại thấy không có va chạm xe tôi và trễ giờ vào trạm xe nên tôi cho xe đi tiếp. Lý Thị Mỹ T có bị té gần xe 71B.0058 nhưng không có va chạm...” nhưng nội dung thỏa thuận này mâu thuẫn với trình bày của chị T tại biên bản ghi lời khai do cơ quan Công an huyện C vào ngày 05/8/2024 (sau ngày lập Biên bản tự thỏa thuận - BL94) và các tài liệu chứng cứ khác trong hồ sơ.

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Đăng P1 cũng cho rằng lời khai của chị T ở các thời điểm khác nhau có mâu thuẫn. Do đó, Tòa án không sử dụng lời khai của chị T để làm căn cứ giải quyết vụ án mà căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ để giải quyết vụ án.

Xét thấy, tại Đơn tường trình ngày 04/8/2024, ông Q trình bày: “... khi qua giao lộ khu phố C, tôi có vượt qua xe máy bên hông phải, tôi thấy xe máy thắng gấp té nên lái xe đi, khi cảnh sát giao thông trích camera lại thấy tôi vượt qua xe máy gây tai nạn nên lúc đó tôi không quan sát kỹ nên tôi chịu phần thuốc men cho xe máy, nguyên nhân là do tôi vượt qua xe máy nên gây tai nạn với xe mô tô kia. Tôi biết lỗi ...”(BL74).

Ngoài ra, tại biên bản ghi lời khai của người chứng kiến vụ việc là anh Huỳnh Quốc V vào ngày 04/8/2024 do Công an huyện C, anh V có trình bày: “Có nhìn thấy vụ va chạm gần 10h ngày 04/8/2024 tại đường T; tôi điều khiển xe mô tô đi giao thịt heo bên chợ B - T khi tới gần cây xăng thị trấn thì thấy xe ô tô khách màu xanh chạy vượt lên đụng vào xe mô tô do người nữ chạy một mình té ngã, sau đó ô tô đó bỏ chạy luôn về hướng Bến Tre. Tôi và một số người dân kể bên đưa người phụ nữ đó đến Trung tâm y tế H2 cấp cứu...”(BL88).

Tại biên bản ghi lời khai ngày 21/8/2024 do Công an huyện C (BL90), ông Q cũng trình bày “có thể xảy ra va chạm” giữa xe ô tô khách và xe máy. Chứng tỏ ông Q cũng chỉ suy đoán chủ quan mà không thể xác định chính xác được có va chạm hay không.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của ông Q cho rằng có va chạm giữa xe ô tô khách do ông Q điều khiển và xe máy do chị T điều khiển nhưng không đáng kể, không do lỗi của ông Q mà do lỗi khách quan.

Trong khi đó, theo đoạn camera được trích xuất do Công an huyện thu thập thể hiện xe máy và xe ô tô khách đang lưu thông cùng chiều thì xe ô tô khách vượt lên không đảm bảo khoảng cách an toàn nên phần sau bên phải xe ô tô khách va chạm với phần bên trái của xe máy, phù hợp với lời khai chị Lý Thị Mỹ T tại Biên

bản ghi lời khai ngày 05/8/2024: “tôi điều khiển xe mô tô biển số 67C1-841.33 từ cầu R vòng xuống vòng xoay A (ngã 4 huyện) hướng thành phố B thì xảy ra va chạm do xe ô tô khách từ phía sau vượt lên; Vị trí va chạm phần bên hông xe ô tô khách bên phải va chạm vào hông trái xe tôi điều khiển...”(BL94) và Biên bản khám nghiệm phương tiện xe mô tô (BL106), xe ô tô khách (BL108) vào ngày 04/8/2024. Theo kết quả khám nghiệm phương tiện (BL 108) thể hiện: Bên hông phải có vết trượt sạch bụi, kích thước (110x5)cm. Đầu vết cách đất 94cm. Đuôi vết cách đất 100cm và cách mép đuôi xe phía sau là 300cm; Mặt ngoài bánh xe sau bên phải có vết ma sát, kích thước (23x3)cm, có điểm gần nhất cách chữ “P” trong dãy chữ “PRESA” theo chiều ngược kim đồng hồ là 9cm. Có điểm xa nhất cách chữ “P” trong dãy chữ “PRESA” theo chiều ngược kim đồng hồ là 11cm”.

Theo các tài liệu trong hồ sơ vụ án và chứng cứ do người bị kiện nộp gồm biên bản sự việc, biên bản ghi lời khai, biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản khám nghiệm phương tiện, đĩa DVD lưu trữ đoạn trích xuất camera... có cơ sở xác định vào khoảng 09 giờ 50 phút ngày 04/8/2024, tại đường T, khu phố C, thị trấn C, xe ô tô khách biển số 71B-005.98 do ông Nguyễn Văn Q điều khiển hướng từ Ủy ban nhân dân huyện C về hướng Ủy ban nhân dân xã T có xảy ra va chạm với xe mô tô biển số 67C1-841.33 do chị Lý Thị Mỹ T điều khiển cùng chiều phía trước, hậu quả chị Lý Thị Mỹ T bị thương. Sau khi xảy ra tai nạn thì ông Q rời khỏi hiện trường, không đến trình báo với cơ quan có thẩm quyền, không tham gia cấp cứu người bị nạn.

Do đó, căn cứ hồ sơ do cơ quan chuyên môn (Công an huyện C) lập và thu thập, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 7 và điểm b khoản 8 Điều 5 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 123/2021/NĐ-CP ngày 28/12/2021 của Chính phủ) để ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 13923/QĐ-XPVPHC ngày 04/9/2023 đối với ông Nguyễn Văn Q là có căn cứ.

** Xét yêu cầu bồi thường thiệt hại:*

Như đã phân tích trên, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 13923/QĐ-XPVPHC ngày 04/9/2023 đối với ông Nguyễn Văn Q là đúng quy định nên việc ông Q yêu cầu bồi thường thiệt hại là không có cơ sở chấp nhận.

[4] Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện khẳng định chỉ biết Công an huyện C có quyết định kéo dài thời hạn tạm giữ xe khách biển số 71B-005.98 đến ngày 04/9/2024 nhưng đến nay vẫn chưa trả xe cho Công ty TNHH V1. Người đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH V1 yêu cầu được nhận lại xe để sửa chữa và có yêu cầu bồi thường thiệt hại.

Về vấn đề này, Hội đồng xét xử xét thấy:

Người khởi kiện chỉ khởi kiện Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 13923/QĐ-XPVPHC ngày 04/9/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C. Trong quyết định nêu trên không có đề cập đến việc tạm giữ xe khách biển số 71B-005.98 và người khởi kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng không có yêu cầu đưa Công an huyện C vào tham gia tố tụng nên Tòa án không đưa Công an huyện C vào tham gia tố tụng là đúng quy định.

Đối với Công ty TNHH V1, Tòa án đã có Thông báo số 444/TB-TA ngày 05 tháng 02 năm 2025 thông báo về việc đưa Công ty TNHH V1 vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại nhưng Công ty TNHH V1 không có văn bản ý kiến, không có đơn yêu cầu gửi cho Tòa án. Vì vậy, nếu Công ty TNHH V1 cho rằng bị tạm giữ xe không có căn cứ hoặc cho rằng có thiệt hại và có yêu cầu bồi thường thiệt hại thì có quyền khởi kiện một vụ kiện khác.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nên ông Nguyễn Văn Q phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 158, điểm a khoản 2 Điều 193, khoản 1 Điều 348 của Luật Tố tụng hành chính;

Căn cứ vào Luật Xử lý vi phạm hành chính; Nghị định số 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 123/2021/NĐ-CP ngày 28/12/2021 của Chính phủ);

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Q về việc yêu cầu hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 13923/QĐ-XPVPHC ngày 04/9/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C đối với ông Nguyễn Văn Q và yêu cầu bồi thường

thiệt hại 400.000 đồng/ngày tính từ ngày 04/9/2024 đến khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Án phí hành chính sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn Q phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số 0007809 ngày 26/11/2024 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre. Ông Nguyễn Văn Q đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- Cục THADS tỉnh Bến Tre;
- Phòng Thanh tra, Kiểm tra và Thi hành án TAND tỉnh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thu Trang